

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh

2. Ông Nguyễn Xuân Thành.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Văn Minh L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ M (Nay là Tổ S), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ M (Nay là Tổ S), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.
Chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Văn Minh L trình bày: Anh L và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 19/4/2006. Trong quá trình sống chung hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm nên hay kinh cãi nhau, tình trạng này lặp đi lặp lại nhiều lần nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay giữa anh L và chị H đã ly thân nhau, không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh L và chị H có 1 con chung là cháu Văn Minh V, sinh ngày 28/11/2006. Hiện nay, anh Vinh đang nuôi dưỡng. Anh Vinh yêu cầu hỏi cháu V nếu muốn ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi cháu V.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H, mặc dù đã được Tòa án Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng đều cố tình vắng mặt và viết đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Trong đơn chị H đồng ý ly hôn với anh L và yêu cầu được nuôi con là cháu Văn Minh V, sinh ngày 28/11/2006, chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh L về yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H và giao con chung cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc anh L phải chịu số tiền 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Văn Minh L yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, hiện cư trú tại: Tổ M (nay là Tổ S), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Văn Minh L và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh L và chị H có phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân nhau và anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị H nhiều lần đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng chị H không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với anh L. Sau đó, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến đồng ý ly hôn với anh L. Hiện nay, anh L và chị H đã không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị H là trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Văn Minh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Anh L và chị H có 1 con chung là cháu Văn Minh V, sinh ngày 28/11/2006. Trong đơn yêu cầu chị H xin được nuôi con, tại phiên tòa hôm nay anh L cũng đồng ý để con cho chị H nuôi. Qua xem xét nguyện vọng của cháu V cũng xin được ở với mẹ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung là cháu V cho chị H trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu, vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Văn Minh L.

Về hôn nhân: Anh Văn Minh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi con chung là cháu Văn Minh V, sinh ngày 28/11/2006, cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Anh Văn Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007183 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/5/2019) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND Phường T, thị xã A
(Để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn